

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG HÒA
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 20 - 9 - 2018.
Về việc tranh chấp: Xin ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HÒA TỈNH PHÚ YÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thanh Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Thu Ba;
2. Ông Nguyễn Giáo Khoa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huệ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông Hòa, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hòa tham gia phiên tòa: Ông Dương Thanh Nhuận – Kiểm sát viên.

Ngày 20/9/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 258/2017/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2017 về tranh chấp “*Xin ly hôn*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2018/QĐXX- ST ngày 08 tháng 8 năm 2018; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị T - Sinh năm: 1978; Địa chỉ: Thôn K, xã H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên – Có mặt.

- *Bị đơn:* Anh P – Sinh năm: 1977; Địa chỉ: Thôn K, xã H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên – Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Ngân hàng N; Địa chỉ: Số A, L, quận B, Hà Nội;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông B – Giám đốc Chi nhánh ngân hàng N. Ông B ủy quyền cho ông C – Phó giám đốc Chi nhánh ngân hàng N (Văn bản ủy quyền ngày 22/6/2018) - Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Nguyên đơn chị T và bị đơn anh P trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh P kết hôn trên cơ sở tự nguyện vào năm 2001, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên vào năm 2002.

Chị T khai: Sau khi kết hôn, vợ chồng chị T, anh P sống hạnh phúc một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cãi vã, có lúc anh P đánh chị T. Cách đây khoảng 10 năm, chị T làm đơn xin ly hôn, nhưng khi đó anh P hứa sửa chữa khuyết điểm nên chị T rút đơn. Sau đó, giữa anh P, chị T tiếp tục có mâu thuẫn

và từ tháng 7 năm 2017, hai bên tự sống xa nhau, không ai quan tâm đến ai. Nay, chị T nhận thấy tình cảm đã hết nên xin được ly hôn anh P.

Anh P khai hai bên không có mâu thuẫn gì, cách đây khoảng 10 năm chị T và anh P nói qua lại, chị T làm đơn xin ly hôn, sau đó rút đơn. Từ đó, vợ chồng sống hạnh phúc đến nay. Thời gian vừa qua, chị T thường xuyên đi tắm biển, không hoàn thành việc may quần áo cho khách, anh P nói thì chị T bỏ đi nơi khác sống. Anh P nhận thấy còn tình cảm với chị T nên không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Có 02 con chung tên là V – sinh ngày 28/8/2002, A – sinh ngày 16/11/2011. Hiện các cháu A, V đang do chị T nuôi dưỡng. Chị T xin nuôi các con không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Anh P xin nuôi con tên A, chị T nuôi con tên V, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

- Tài sản chung và nợ: Hai bên thống nhất có số tiền bán xe mô tô là 20.000.000đ (*Hai mươi triệu đồng*) hiện anh P đang quản lý; có nợ của Chi nhánh ngân hàng N số tiền 30.000.000đ (*Ba mươi triệu đồng*) tiền gốc và lãi phát sinh; thống nhất trả nợ cho Ngân hàng bằng số tiền bán xe mô tô nói trên, số nợ còn lại chia hai.

* *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đại diện Chi nhánh Ngân N trình bày:*

Vào ngày 02/6/2016, vợ chồng anh P, chị T có vay của Chi nhánh ngân hàng N số tiền 30.000.000đ để chăn nuôi bò, lãi suất vay 10%/năm, thời hạn vay 24 tháng (*Ngày đến hạn 02/6/2018*). Đến nay, đã hết hạn trả nợ theo Hợp đồng, chị T, anh P còn nợ số tiền vốn vay 30.000.000đ (*Ba mươi triệu đồng*) và lãi tính đến ngày xét xử là: 5.450.000đ (*Năm triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng*). Tổng cộng: 35.450.000đ (*Ba mươi lăm triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng*); yêu cầu chị T, anh P trả toàn bộ số nợ nói trên. Ngoài ra, không yêu cầu gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hòa tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và việc giải quyết vụ án:

+Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự:

Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm xét xử, Thẩm phán đã xác định đúng mối quan hệ tranh chấp, xác định đúng tư cách pháp lý của các đương sự, chấp hành đúng trình tự, thủ tục thu thập tài liệu, chứng cứ, thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, thư ký cũng đã chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ pháp luật quy định.

+ Việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T. Về con chung: Giao cho chị T tiếp tục nuôi các con chung, ghi nhận sự tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị T. Tài sản chung và nợ: Chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự: Anh P được sở hữu số tiền bán xe mô tô 20.000.000đ, có trách nhiệm trả cho Chi nhánh Ngân hàng N:

27.725.000đ; chị T trả cho Chi nhánh Ngân hàng N: 7.725.000đ. Nguyên đơn, bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh P đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do. Áp dụng Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh P.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh P kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên vào ngày 04 tháng 02 năm 2002, nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng chị T, anh P có mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã. Sự việc kéo dài và từ tháng 7 năm 2017, chị T, anh P tự sống xa nhau, không ai còn quan tâm đến ai. Như vậy, mâu thuẫn giữa chị T, anh P đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T: Chị T được ly hôn anh P.

[3] Về con chung: Xét thấy các con chung V, A lâu nay do chị T trực tiếp nuôi dưỡng, đã quen sống cùng chị T. Cháu V và A đều có nguyện vọng được sống cùng chị T. Do đó, để giúp các cháu V, A phát triển tốt về thể chất lẫn tinh thần, chấp nhận yêu cầu của chị T: Giao các cháu V, A cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T là thợ may, có thu nhập ổn định, đủ khả năng nuôi con và chị T không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con nên không buộc anh P phải cấp dưỡng nuôi con.

[3] Tài sản chung và nợ: Các đương sự thống nhất tài sản chung có số tiền bán xe mô tô 20.000.000đ do anh P quản lý, thống nhất có nợ của Chi nhánh Ngân hàng N số tiền 30.000.000đ và lãi tính đến ngày xét xử: 5.450.000đ; thống nhất anh P dùng số tiền bán xe trả nợ cho ngân hàng, số nợ còn lại chia hai. Xét sự thỏa thuận này là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên chấp nhận: Giao anh P sở hữu số tiền 20.000.000đ, anh P có trách nhiệm trả cho Ngân hàng số tiền 27.725.000đ (*Hai mươi bảy triệu bảy trăm hai mươi lăm nghìn đồng*); chị T có trách nhiệm trả cho Ngân hàng số tiền 7.725.000đ (*Bảy triệu bảy trăm hai mươi lăm nghìn đồng*).

[4] Về án phí Dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu xin ly hôn là 300.000đ, án phí về nợ chung là 886.250đ, quy tròn số: 886.000đ. Anh P phải chịu án phí về nợ chung là 886.250đ, quy tròn 886.000đ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 9, 26, 27 Nghị quyết 326 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị T: Chị T được ly hôn anh P.

2. Con chung:

Giao 02 con chung tên V – sinh ngày 28/8/2002, A – sinh ngày 16/11/2011 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng. Anh P không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Tài sản chung và nợ:

+ Giao anh P được sở hữu số tiền bán xe mô tô: 20.000.000đ (*Hai mươi triệu đồng*) (*Anh P đã quản lý*).

+ Anh P có trách nhiệm trả cho Ngân hàng N số tiền: 27.725.000đ (*Hai mươi bảy triệu bảy trăm hai mươi lăm nghìn đồng*); trong đó, tiền gốc: 25.000.000đ (*Hai mươi lăm triệu đồng*), tiền lãi: 2.725.000đ (*Hai triệu bảy trăm hai mươi lăm nghìn đồng*).

+ Chị T có trách nhiệm trả cho Ngân hàng N số tiền: 7.725.000đ (*Bảy triệu bảy trăm hai mươi lăm nghìn đồng*); trong đó, tiền gốc: 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*), tiền lãi: 2.725.000đ (*Hai triệu bảy trăm hai mươi lăm nghìn đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, chị T, anh P còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà chị T, anh P phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

4. Án phí dân sự sơ thẩm:

+ Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu xin ly hôn là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*); án phí về nợ chung: 886.000đ (*Tám trăm sáu mươi sáu nghìn đồng*). Tổng cộng: 1.186.000đ (*Một triệu một trăm tám mươi sáu nghìn đồng*). Số tiền này được khấu trừ vào 1.300.000đ (*Một triệu ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp tại phiếu thu số 0004054 ngày 04/12/2017 và phiếu thu số 0008712 ngày 01/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Hòa, tỉnh Phú Yên. Như vậy, hoàn lại cho chị T: 114.000đ (*Một trăm mười bốn nghìn đồng*).

+ Anh P phải chịu án phí dân sự về nợ chung: 886.000đ (*Tám trăm sáu mươi sáu nghìn đồng*). Số tiền này được khấu trừ vào 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí mà anh P đã nộp tại phiếu thu số 0004084 ngày

25/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Hòa, tỉnh Phú Yên. Như vậy, anh P còn phải nộp: 586.000đ (*Năm trăm tám mươi sáu nghìn đồng*).

Hoàn lại cho Chi nhánh Ngân hàng N số tiền: 750.000đ (*Bảy trăm năm mươi nghìn đồng*) đã thu phiếu thu số 0008938 ngày 22/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Hòa, tỉnh Phú Yên.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán - chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Phú Yên;
- VKSND, T.H.A DS huyện Đông Hòa;
- UBND xã H;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

Lê Thanh Huệ

